

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/HNGĐ-ST

Ngày 17 tháng 4 năm 2025

V/v: “*Tranh chấp ly hôn, con chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11, TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Minh Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Vĩnh
2. Ông Lê Hữu Vị.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lại Phương Thúy, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thanh Hương- Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 64A/2025/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2025 về việc tranh chấp “Ly hôn, con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2025/QĐXX-ST ngày 26 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thảo L, sinh năm 2001, có mặt.

Nơi cư trú: Tổ dân phố S, xã T (thị trấn T, huyện S cũ), tỉnh P.

- Bị đơn: Nguyễn Xuân Tr, sinh năm 1993, vắng mặt.

Nơi cư trú: Tổ dân phố S, xã T (thị trấn T, huyện S cũ), tỉnh Ph.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 01 tháng 4 năm 2025 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị

Nguyễn Thị Thảo L trình bày: Chị kết hôn với anh Nguyễn Xuân Tr ngày 16/11/2021 tại UBND thị trấn T, huyện S, tỉnh V. Trước khi kết hôn, hai bên có được tự do tìm hiểu thỏa thuận. Sau khi kết hôn, chị về sống chung cùng anh Tr. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu, đến tháng 05/2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, anh Tr chơi bời, không chịu làm ăn, nợ tiền của người khác nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 5/2022, trong thời gian này chị có về ở cùng anh Tr được 01 tháng nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không hàn gắn được nên chị lại về nhà bố mẹ đẻ ở cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn anh Trường.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung: Cháu Nguyễn Thùy Tr, sinh ngày 12/5/2022. Hiện nay cháu Tr đang ở cùng với chị. Ly hôn, chị xin được nuôi con và không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: chị không đề nghị Tòa án giải quyết

Bị đơn anh Nguyễn Xuân Tr vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết vụ án anh trình bày:

Anh xác định về điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn, quá trình chung sống như chị L trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, chị L về gia đình anh làm dâu và vợ chồng ra ở riêng ngay. Còn nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh đầu tư làm ăn bị thua lỗ nên xảy ra nợ nần, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh mong muốn vợ chồng về đoàn tụ.

Về con chung: anh xác định vợ chồng có 01 con chung như chị L trình bày là đúng. Nếu ly hôn, anh đồng ý để chị L nuôi con và anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô phát biểu về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án: Có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, hai vợ chồng xác định có mâu thuẫn nên việc chị L xin ly hôn là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, cho chị L được ly hôn anh Tr; về con chung: Giao chị L trực tiếp nuôi dưỡng con chung, về cấp dưỡng nuôi con, chị L tự nguyện không yêu cầu nên không xem xét; về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Thảo L có xin ly hôn anh Nguyễn Xuân Tr trú tại thôn tổ dân phố S, thị trấn T, huyện S, tỉnh V nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc.

[2]. Về nội dung vụ án:

2.1 Quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân chị L và anh Tr là cuộc hôn nhân hợp pháp, xây dựng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Quá trình vợ chồng chung sống, hai vợ chồng đều xác định vợ chồng anh chị có xảy ra mâu thuẫn, chị L cho rằng vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình vợ chồng không hợp nhau, anh Tr chơi bời không chăm lo kinh tế gia đình, còn anh Tr cho rằng nguyên nhân là do anh làm ăn kinh tế thua lỗ dẫn đến nợ nần, từ đó vợ chồng xảy ra bất đồng quan điểm. Xét đề nghị của các bên Hội đồng xét xử thấy rằng: Cả hai vợ chồng đều xác định có mâu thuẫn, nhất là về vấn đề kinh tế, không có tiếng nói chung trong cuộc sống, vợ chồng đã ly thân trong thời gian dài nhưng vẫn không hàn gắn được tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc chị L xin ly hôn anh Tr là có căn cứ nên được chấp nhận.

2.2 Về con chung: Vợ chồng anh chị xác nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Thùy Tr, sinh ngày 12/5/2022. Do cháu Tr còn rất nhỏ, rất cần sự chăm sóc của người mẹ. Hai anh chị thỏa thuận để chị L trực tiếp nuôi cháu Tr và không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện nên cần được chấp nhận.

2.3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị L phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Xử:

Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, cho chị Nguyễn Thị Thảo L được ly hôn anh Nguyễn Xuân Tr.

Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Thảo L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thùy Tr, sinh ngày 12/5/2022. Anh Tr không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L. Sau khi ly hôn, anh Tr có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thảo L phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số: 0001246 ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sông Lô (cũ). Xác định chị Lan đã nộp đủ án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày giao nhận bản án hoặc niêm yết tại UBND nơi cư trú của người vắng mặt để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKS khu vực 11;
- Phòng THA khu vực 11;
- UBND xã Yên Thạch;
- Các đương sự-
- Lưu HS; văn phòng.

T/M: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà

Đã ký và đóng dấu

Ngô Thị Minh Hiệp

